TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LV** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-11-2019.
"V/v Ly hôn và nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Lịnh;

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2019; V/v "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 224/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2019/QĐST-DS ngày 31/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị M T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số 488A, ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Tấn T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số 488A, ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị M T trình bày:

Chị Võ Thị M T với anh Lê Tấn T cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, thời gian đầu sống hạnh phúc, khoảng thời gian sau thì anh T phát sinh cờ bạc, đá gà, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần, để có tiền trả nợ anh Tđã bán tài sản trong nhà, chị T nhiều lần khuyên, nhưng anh Tvẫn không thay đổi, chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị T sống từ tháng 5/2013 cho đến nay. Hiện nay tình

cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Tài.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Yến Nhi, sinh ngày 16/12/2009 hiện do anh Tnuôi dưỡng (nguyện vọng của Nhi là sống với anh Tài), nay ly hôn chị T đồng ý để anh Ttiếp tục nuôi con, chị T không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tđã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Tkhông có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tại phiên tòa, anh Tvắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Võ Thị M T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Tấn T, yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh Lê Tấn T có địa chỉ tại Số 488A, ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Tấn T đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Tvắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Tấn T.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị M T được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tcó đăng kết kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01 ngày 10/3/2006 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời trình bày của chị T tại biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa chị T và anh Tphát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay vợ chồng đã sống xa nhau được một thời gian, không còn ai quan tâm đến ai nữa và mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị T yêu cầu ly hôn với anh Tlà có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Yến Nhi, sinh ngày 16/12/2009 hiện do anh Tnuôi dưỡng (nguyện vọng của Nhi là sống với anh Tài), nay ly hôn chị T đồng ý để anh Ttiếp tục nuôi con, chị T không cấp dưỡng. Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản và nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật hôn và nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị M T được ly hôn với anh Lê Tấn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên tên Lê Yến Nhi, sinh ngày 16/12/2009 hiện do anh Tnuôi dưỡng cho anh Ttiếp tục nuôi, chị T không cấp dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Võ Thị M T chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/0002832 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (đã nộp xong).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện LV;
- Chi cục THADS huyện LV;
- UBND xã Bình Thạnh Trung;
- Lưu VPTA-HSVA.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hằng